

Bản án số: 07/2022/DS - ST.

Ngày: 25/8/2022.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Dung và ông Trịnh Văn Dũng

**- Thư K phiên tòa:** Bà Vũ Lệ Thủy – Thư K Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa** tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Lộc, Bắc Thanh Hóa. Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T P, xã V P, huyện V L, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Nguyễn Thị L. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1942.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ T, huyện Y Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N1 – Sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm N S, thị trấn B, huyện K B, tỉnh Hòa B. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị K– Sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn T P, xã V P, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T1 – Sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm Đ S, xã X T, huyện K B, tỉnh Hòa B. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T2 – Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T P, xã VP, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

6. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T P, xã V P, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn - Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Vĩnh Lộc, Bắc Thanh Hóa, ông Trần Đình H trình bày N sau:

Thực hiện chương trình vay vốn được quy định tại nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, vào ngày 18/4/2019 giữa Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Vĩnh Lộc và bà Nguyễn Thị L( đại diện cho hộ gia đình) đã K kết Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 3508-054516198, nội dung HĐTD thể hiện Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Vĩnh Lộc đồng ý cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị L số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Phương thức cho vay: Từng lần. Áp dụng cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Mục đích vay vốn: Mua lợn mẹ, mua trâu sinh sản, thời hạn vay: 60 tháng, hạn trả: 15/4/2024, phân kỳ trả nợ lãi: 03 tháng 01 lần vào ngày 25. Ngày 18/4/2019 bà Nguyễn Thị L nhận số tiền nợ: 100.000.000 đồng. Kể từ ngày 25/01/2021 đến nay, bà Nguyễn Thị L không nộp tiền lãi phân kỳ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã K kết. Đến nay, số tiền lãi quá hạn là: 3.972.602 đồng, số ngày quá hạn: 114 ngày. Bà L đã vi phạm khoản 2 điều 08 tại Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 3508-054516198 ngày 18/4/2019. Căn cứ điểm c, khoản 1 điều 09 Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 3508-054516198 ngày 18/4/2019, Agribank Chi nhánh huyện Vĩnh Lộc, Bắc Thanh Hóa đã tiến hành đơn đốc thu hồi nợ khoản vay của bà

Nguyễn Thị L. Trong quá trình xử lý nợ, Cán bộ Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Vĩnh Lộc đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về thời gian để bà Nguyễn Thị L thu xếp nguồn trả nợ, tuy nhiên hộ gia đình bà L, ông T có tình chây ỳ, không có ý thức trả nợ theo cam kết. Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ theo đúng cam kết, trả nợ đầy đủ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam tính đến ngày 24/06/2021 số tiền là: 105.643.835 đồng, (Bằng chữ: Một trăm linh năm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn T2 trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi: 5.643.835 đồng và trả số tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam yêu cầu bà L, ông T trả số tiền lãi tính đến ngày 25/8/2022 là 17.026.027 đồng. Đồng thời yêu cầu bà L, ông T phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 17/4/2019 bà Nguyễn Thị L được ông Nguyễn Văn T (là chồng) và bà Lê Thị T (là mẹ chồng) ủy quyền để vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mục đích vay mua lợn, mua trâu và sử dụng một phần tiền để sửa nhà cho mẹ chồng. Thời hạn vay: 60 tháng, hạn trả nợ vào ngày 15/4/2024, phân kỳ trả nợ lãi trả 03 tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng.

Khi vay số tiền đó gia đình bà L, ông T có sử dụng mua trâu, mua lợn sinh sản và sửa nhà và trả nợ cho mẹ chồng (Bà Lê Thị T). Do điều kiện chăn nuôi dịch bệnh nên Lợn, Trâu chết hết nên vợ chồng bà L, ông T không thể trả được lãi và gốc cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Từ đầu năm 2021 đến nay gia đình bà L, ông T chưa trả được thêm đồng tiền gốc, lãi nào. Nay Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam yêu cầu bà L, ông T trả nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 5.643.835 đồng. Hiện nay điều kiện kinh tế gia đình bà L, ông T khó khăn không có khả năng trả nợ, bà Lê Thị T (mẹ chồng bà L) đã chết có để lại nhà và đất ở. Vì vậy bà L, ông T đề nghị ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam bán mảnh đất và nhà của bà Lê Thị T ở thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để trừ khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà K là con thứ 5 của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S.

Bố bà K chết năm nào bà K không nhớ Nng chết trước mẹ bà rất lâu, mẹ bà K chết vào ngày 27/9/2020. Khi còn sống mẹ bà K ở cùng với bà Nguyễn Thị Hòa( chị bà K). Vào năm 2019 ông Nguyễn Văn T hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay vốn làm trang trại. Thời điểm đó mẹ bà K đã ngoài 80 tuổi đã hết tuổi lao động vì vậy mẹ bà không vay tiền ngân hàng để làm việc gì cả. Mẹ bà K không biết chữ, không biết viết nên không thể K vào giấy ủy quyền được. Sau khi mẹ bà K chết thì vợ chồng bà L, ông T không trả nợ cho Ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện đòi nợ vợ chồng bà L, ông T, bà K không biết việc này. Mẹ bà K không vay nợ của ai cả. Vậy bà K đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng chị L anh T phải có trách nhiệm trả T bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Bà L, ông T đề nghị bán nhà đất của bố mẹ bà K để trả nợ bà K không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Hòa là con thứ 3 của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S. Mẹ bà Hòa chết vào ngày 27/9/2020. Khi còn sống bà T ở cùng với bà Nguyễn Thị Hòa. Vào năm 2019 ông Nguyễn Văn T hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay vốn làm trang trại nuôi lợn. Vì sổ hộ khẩu có tên bà T nên ông T đưa bà T vào việc vay này. Vậy bà Hòa đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng bà L ông T phải có trách nhiệm trả T bộ số nợ trên cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho gia đình bà Hòa.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2: Ông T2 là con trai út của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S. Bố ông T2 chết năm nào ông không nhớ Nng chết trước mẹ ông rất lâu, mẹ ông T2 chết vào ngày 27/9/2020. Khi còn sống mẹ ông T2 ở với bà Nguyễn Thị Hòa( chị gái ông T2) trên mảnh đất và nhà của bố mẹ ông T2. Vào năm 2019 vợ chồng anh Nguyễn Văn T về đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn để làm trang trại nuôi trâu bò, lợn gà. Thời điểm đó mẹ ông T2 đã ngoài 80 tuổi đã hết tuổi lao động vì vậy mẹ ông không vay tiền ngân hàng để làm việc gì cả. Mẹ ông không biết chữ, không biết viết nên không thể K vào giấy ủy quyền được. Sau khi mẹ ông chết thì vợ chồng bà L, ông T không trả nợ cho Ngân hàng nên ngân hàng đòi nợ vợ chồng bà L, ông T, ông T2 không biết việc này. Ông T2 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng bà L, ông T phải có trách nhiệm trả T bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Bà L đề nghị bán nhà đất của bố mẹ ông T2 để trả nợ ông T2 không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 01/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1: Vào năm 2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L vay vốn Ngân hàng mục đích làm trang trại nuôi lợn mẹ, và nuôi trâu sinh sản. Thời điểm đó mẹ bà đã ngoài 80 tuổi đã hết tuổi lao động vì vậy mẹ bà không vay tiền ngân hàng để làm

việc gì cả. Lúc đó mẹ bà đang ở với bà Hòa, không ở với vợ chồng bà L, ông T nên không biết việc vay vốn của Ngân hàng của vợ chồng bà L, ông T. Về giấy ủy quyền vợ chồng bà L, ông T nộp cho Ngân hàng là không đúng vì thực tế mẹ bà không biết chữ và không biết viết. Mẹ bà không có nhu cầu vay vốn. Vợ chồng bà L, ông T cho rằng mẹ bà vay tiền để sửa sang nhà cửa là không đúng. Trong thời gian mẹ bà N1 còn sống không nói gì về việc vay nợ này với chị em bà nên bà không biết. Bà L, ông T là người vay vốn Ngân hàng để làm trang trại nên vợ chồng bà L, ông T phải có trách nhiệm trả T bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Để ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà N1.

Tại bản tự khai ngày 01/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào năm 2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L vay vốn Ngân hàng mục đích làm trang trại nuôi lợn mẹ và nuôi trâu sinh sản. Thời điểm đó mẹ bà đã ngoài 80 tuổi đã hết tuổi lao động vì vậy mẹ bà không vay tiền ngân hàng để làm việc gì cả. Lúc đó mẹ bà đang ở với bà Hòa, không ở với vợ chồng bà L, ông T nên không biết việc vay vốn của Ngân hàng của vợ chồng nhà L T. Về giấy ủy quyền vợ chồng bà L, ông T nộp cho Ngân hàng là không đúng vì thực tế mẹ bà không biết chữ và không biết viết. Mẹ bà không có nhu cầu vay vốn. Vợ chồng bà L, ông T cho rằng mẹ bà vay tiền để sửa sang nhà cửa là không đúng. Trong thời gian mẹ bà còn sống mẹ bà không nói gì về việc vay nợ này với bà nên bà không biết. Bà L, ông T là người vay vốn Ngân hàng để làm trang trại nên vợ chồng bà L, ông T phải có trách nhiệm trả T bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Để ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Hòa chết vào ngày 22/01/2022. Bà Hòa không có chồng, có một con trai duy nhất là anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhiều lần Nng anh Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh B và bà N theo quy định của pháp luật Nng tại phiên tòa ngày 28/7/2022 anh B, bà N vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh B, bà N vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa N sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng

nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bà L, ông T phải trả cho Ngân của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi là: 17.026.027 đồng. Tổng cộng là: 117.026.027 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Vợ chồng bà L, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về án phí: Buộc bà L, ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại T bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5283- QSDĐ/476/QĐ- CT ngày 25/4/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S cho những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông T phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bà Nguyễn Thị L đề nghị ngân hàng phát mại ngôi nhà và diện tích đất ở của bà Lê Thị T để trừ nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Bà Lê Thị T chết vào tháng 09 năm 2020 nên xác định bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T2 và anh Nguyễn Văn B (con bà Nguyễn Thị Hòa) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Bà N, anh B đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ

và hòa giải và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà N, anh B không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng số: 3508 - 054516198 ngày 18/04/2019 được K kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bà Nguyễn Thị L( Đại diện cho hộ gia đình) được thực hiện khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 vụ án thuộc quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số: 3508 - 054516198 ngày 18/04/2019 được các bên K kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định về hợp đồng cho vay tài sản của Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Theo hợp đồng tín dụng số: 3508 - 054516198 ngày 18/04/2019 bà Nguyễn Thị L( đại diện cho hộ gia đình) được ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho vay vốn số tiền là 100.000.000đồng. Mục đích vay vốn là để mua lợn mẹ, mua trâu sinh sản. Việc vay vốn được thực hiện không có tài sản bảo đảm. Theo quy định tại điều 4 nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, thấy rằng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho hộ gia đình bà L, ông T vay vốn để chăn nuôi lợn, và trâu sinh sản nhằm phát triển kinh tế gia đình là đã thực hiện đúng với quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của người nông dân, cư dân ở nông thôn. Căn cứ vào biên bản kiểm tra sau khi cho vay ngày 07/5/2019 và biên bản kiểm tra đối chiếu dư nợ ngày 07/11/2020 của ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam xác định hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích.

Bà L cho rằng khi vay vốn ngân hàng bà L được bà Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T ủy quyền để bà L đại diện vay vốn và quá trình sử dụng nguồn vốn vay vợ chồng bà L, ông T đã dùng một phần tiền để sửa nhà và trả nợ cho bà Lê Thị T nên đề nghị Ngân hàng phát mại ngôi nhà và diện T đất ở của bà Lê Thị T để trừ nợ cho

ngân hàng. Tuy nhiên việc bà Lê Thị T K vào giấy ủy quyền là do bà T có tên trong hộ khẩu nhà ông T, bà L nhưng thực tế thời điểm ngân hàng cho vay vốn bà T đã cao tuổi và không ở cùng với bà L, ông T. Mục đích Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho hộ gia đình bà L, ông T vay vốn để chăn nuôi lợn, trâu sinh sản nhằm phát triển kinh tế gia đình. Bà L không chứng minh được việc sử dụng số tiền vay ngân hàng để trả nợ và sửa nhà cho bà Lê Thị T. Bà L cũng thừa nhận bà là người nhận tiền từ ngân hàng và vợ chồng bà L, ông T là người trực tiếp sử dụng nguồn vốn vay do đó bà L, ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam là phù hợp.

[4] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc:

Thấy rằng: Ngày 18/4/2019 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bà Nguyễn Thị L( đại diện hộ gia đình) đã K kết Hợp đồng tín dụng số: 3508- 054516198 ngày 18/04/2019. Nội dung HĐTD thể hiện Ngân hàng của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đồng ý cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị L số tiền: 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). thời hạn vay 60 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Hạn trả nợ gốc vào ngày 15/4/ 2024. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay. Tính từ ngày 25/01/2021 đến nay bà L, ông T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo cam kết tại hợp đồng. N vậy bà L, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh T1 quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 8 về quyền và nghĩa vụ của bên B tại hợp đồng tín dụng số: 3508 - 054516198 ngày 18/04/2019. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T phải trả T bộ tiền gốc cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số: 3508- 054516198 ngày 18/04/2019 là 100.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bà L, ông T trả tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số: 3508 - 054516198 ngày 18/04/2019, các bên thỏa thuận: Lãi vay trả hàng tháng. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay. Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn và quá hạn N trên là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định khoản 2 điều 91 của Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.



Căn cứ vào bảng kê tất T1 lãi do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam xuất trình tại phiên tòa thì tính đến ngày 25/8/2022, số tiền lãi bà L, ông T phải trả là 33.272.603 đồng; số tiền bà L, ông T đã trả là: 16.246.576 đồng. Số tiền lãi bà L, ông T còn phải trả là 17.026.027 đồng. Xét thấy việc yêu cầu về số tiền lãi của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với bà L, ông T là phù hợp nên được chấp nhận. N vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi bà L, ông T phải trả là: 117.026.027 đồng.

[6] Về án phí: Do T bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được chấp nhận nên bà L, ông T phải chịu T bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Do hiện nay bà Lê Thị T đã chết. Xét đề nghị của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan( là con ông S, bà T) về việc đề nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5283-QSĐĐ/476/QĐ- CT ngày 25/4/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S. Xét thấy yêu cầu của họ là phù hợp do đó kiến nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5283- QSĐĐ/476/QĐ- CT ngày 25/4/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S cho những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 100.000.000 đồng( Một trăm triệu đồng), số tiền lãi là: 17.026.027 đồng( Mười bảy triệu không trăm hai

mười sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Tổng cộng là: 117.026.027 đồng. (Một trăm mười bảy triệu không trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà L, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí: Buộc bà L, ông T phải chịu số tiền án phí DSST là 5.851.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.640.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí tòa án số AA/2019/0005586 ngày 16/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Kiến nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5283- QSDĐ/476/QĐ- CT ngày 25/4/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S cho những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Tuyết**

